TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐH** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28 /2023/DS-ST
Ngày: 12 – 4 – 2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH, TỈNH BẠC LIÊU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ghết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Lil

2. Bà Đỗ Kim Phụng

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Mộng Nghi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà:* Ông Châu Hoa Đăng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 04 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2022/TLST–DS ngày 14 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Xuân H – chủ hộ kinh doanh TQM

Địa chỉ: Ấp H, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Trầm Thị Minh X, sinh năm 1997

Địa chỉ: Ấp CG, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Ông Huỳnh Hoàng A, sinh năm 1978

Bà Phạm Thị T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp VĐ, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị Trầm Thị Minh X, ông Huỳnh Hoàng A, bà Phạm Thị T xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/8/2022, tại bản tự khai, quá trình làm việc đại diện nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2016 giữa ông Lê Xuân H – chủ hộ kinh doanh TQM và ông Huỳnh Hoàng A, bà Phạm Thị T có ký kết hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thuỷ sản với nhau. Ngày 08/7/2020 ông Lê Xuân H– chủ hộ kinh doanh TQM và ông Huỳnh Hoàng A, bà Phạm Thị T có ký lại hợp đồng mua bán thức ăn thuỷ sản. Trong quá trình giao dịch Hộ kinh doanh TQM đã giao thức ăn tôm và thuốc thuỷ sản theo đơn đặt hàng cho ông Hoàng A, bà T. Phương thức thanh toán là khi thu hoạch tôm thì ông Huỳnh Hoàng A và bà Phạm Thị T có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm công nợ cho hộ kinh doanh TQM, chậm nhất là 01 ngày kể từ ngày thu vụ tôm cuối.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông Hoàng A và bà T có thanh toán công nợ cho Hộ kinh doanh TQM nhưng không dứt nợ, đến ngày 13/8/2020 Hộ kinh doanh TQM đã chấm dứt giao dịch với ông Huỳnh Hoàng A và bà Phạm Thị T do ông Hoàng A và bà T vi phạm hợp đồng. Ngày 13/8/2020 Huỳnh Hoàng A và bà Phạm Thị T có ký bảng đối chiếu xác định công nợ là 64.822.000 đồng; Nhân viên hộ kinh doanh TQM đã nhiều lần nhắc nhỡ, yêu cầu thanh toán, ông Huỳnh Hoàng A và bà Phạm Thị T không thanh toán nợ cho Hộ kinh doanh TQM. Đến ngày 24/12/2021 ông Huỳnh Hoàng A có trả cho Hộ kinh doanh TQM số tiền 2.000.000 đồng. Như vậy số tiền mà ông Hoàng A và bà T còn nợ lại là 62.822.000 đồng.

Nay ra Tòa ông Lê X Hòa – chủ hộ kinh doanh TQM yêu cầu ông Huỳnh Hoàng A và bà Phạm Thị T trả số tiền nợ thức ăn nuôi tôm là 62.822.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 13/8/2020 đến ngày 13/7/2022 là (62.822.000đ x 0,83%/tháng x 23 tháng) = 11.993.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trong giai đoạn thi hành án.

Ông Huỳnh Hoàng A trình bày: Từ nhiều năm nay ông và bà Phạm Thị T có mua thức ăn thuỷ sản tại Hộ kinh doanh TQM. Hình thức mua bán hàng hoá là vợ chồng ông mua thức ăn thuỷ sản tại cửa hàng, hai bên có ký sổ giao nhận

hàng hoá; đến khi ông thu hoạch tôm thì sẽ trả toàn bộ số tiền mua thức ăn cho hộ kinh doanh TQM.

Ông thừa nhận vợ chồng ông còn nợ hộ kinh doanh TQM tiền mua thức ăn thuỷ sản là 62.822.000 đồng. Nay Hộ kinh doanh TQM yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền nợ gốc là 62.822.000 đồng thì ông đồng ý trả số tiền này nhưng ông yêu cầu được trả dân hàng tháng vì hiện tại hoàn cảnh kinh tế của vợ chồng ông còn gặp khó khăn.

Đối với yêu cầu tính tiền lãi của hộ kinh doanh TQM thì ông không đồng ý; ông chỉ đồng ý trả nợ gốc cho Hộ kinh doanh TQM.

Bà Phạm Thị T trình bày: Bà thừa nhận vợ chồng bà còn nộ hộ kinh doanh TQM số tiền mua thức ăn thuỷ sản là 62.822.000 đồng. Bà đồng ý trả số tiền này cho hộ kinh doanh TQM. Đối với yêu cầu tính tiền lãi thì bà không đồng ý, bà chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc là 62.822.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân H – Chủ hộ kinh doanh TQM. Buộc ông Huỳnh Hoàng A và bà Phạm Thị T trả cho ông Lê Xuân H – Chủ hộ kinh doanh TQM số tiền 62.822.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 13/8/2020 đến ngày 13/7/2022 là (62.822.000

đồng x 0,83%/tháng x 23 tháng) = 11.993.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trong giai đoạn thi hành án.

- Về án phí: Buộc ông Huỳnh Hoàng A và bà Phạm thị T phải nộp số tiền án phí có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]Ông Lê Xuân H – Chủ hộ kinh doanh TQM khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán đối với bị đơn ông Huỳnh Hoàng A và bà Phạm Thị T cư trú tại ấp VĐ, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐH.

Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn, nguyên đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông Huỳnh Hoàng A, bà Phạm Thị T phải thanh toán số tiền gốc là 62.822.000 đồng; Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ năm 2020, Hộ kinh doanh TQM nhiều lần bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho ông Huỳnh Hoàng A, bà Phạm Thị T, địa chỉ ấp VĐ, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu. Các bên có lập hợp đồng mua bán và có sổ theo dõi công nợ. Đến ngày 13/8/2020, giữa Hộ kinh doanh TQM và ông Huỳnh Hoàng A, bà Phạm Thị T có lập bảng đối chiếu công nợ với nội dung "số dư công nợ là 64.822.000 đồng". Đến ngày 24/12/2021 ông Huỳnh Hoàng A có trả cho hộ kinh doanh TQM số tiền 2.000.000 đồng. số tiền mà ông Huỳnh Hoàng A, bà Phạm Thị T còn nợ lại Hộ kinh doanh TQM là 62.822.000 đồng.

Như vậy, quan hệ mua bán thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm giữa ông Lê Xuân H – chủ hộ kinh doanh TQM và ông Huỳnh Hoàng A, bà Phạm Thị T là hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự. Mặt khác, trên thực tế ông Huỳnh Hoàng A, bà Phạm Thị T đã mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của Hộ kinh doanh TQM đã diễn ra từ ngày 17/4/2016, thể

hiện ở sổ theo dõi công nợ có chữ ký của ông ông Huỳnh Hoàng A, bà Phạm Thị T. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông Huỳnh Hoàng A, bà Phạm Thị T có thanh toán một phần công nợ cho hộ kinh doanh TQM, đến 13/8/2020 thì ông Huỳnh Hoàng A, bà Phạm Thị T không thanh toán tiếp công nợ cho Hộ kinh doanh TQM nữa. Tại bản đối chiếu công nợ mà các bên đã xác lập ngày 13/8/2020 thì ông Huỳnh Hoàng A, bà Phạm Thị T đã xác nhận còn nợ Hộ kinh doanh TQM với số tiền 64.822.000 đồng. Đến ngày 24/12/2021 ông Hoàng A có trả số tiền 2.000.000 đồng. Do đó, ông Huỳnh Hoàng A, bà Phạm Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền mà các bên đã thỏa thuận trong quá trình mua bán với nhau được quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự. Vì vậy, việc ông Lê Xuân H – chủ hộ kinh doanh TQM khởi kiện số tiền 62.822.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 430, khoản 1 Điều 440; Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 13/8/2020 đến ngày 13/7/2022 của ông Lê Xuân H – Chủ hộ kinh doanh TQM, Hội đồng xét xử thấy rằng do ông Huỳnh Hoàng A, bà Phạm Thị T không thực hiện đúng theo thỏa thuận nên ông Lê Xuân H – Chủ hộ kinh doanh TQM yêu cầu tính lãi suất của số tiền nợ nêu trên theo quy định pháp luật là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Do các bên không thỏa thuận với nhau về mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự là 10%/năm (0,83%/tháng).

Thời điểm ông Huỳnh Hoàng A, bà Phạm Thị T vi phạm thỏa thuận là từ ngày 13/8/2020 đến ngày 13/7/2022 là 23 tháng. Lãi suất được tính như sau: 62.822.000 đồng x 0,83%/tháng x 23 tháng = 11.993.000 đồng

[3] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Huỳnh Hoàng A, bà Phạm Thị T phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân H – Chủ hộ kinh doanh TQM đối với ông Huỳnh Hoàng A, bà Phạm Thị T.

Buộc ông Huỳnh Hoàng A, bà Phạm Thị T trả cho của ông Lê Xuân H – Chủ hộ kinh doanh TQM số tiền 74.815.000 đồng (trong đó nợ gốc 62.822.000 đồng, lãi chậm trả là 11.993.000 đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc ông Huỳnh Hoàng A, bà Phạm Thị T phải chịu án phí sơ thẩm là 3.740.750 đồng.

Ông Lê Xuân H – chủ hộ kinh doanh TQM đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.870.000 đồng theo biên lai thu tiền tại ứng án phí, lệ phí số 0009501 ngày 12/10/2022 được hoàn lại toàn bộ số tiền đã nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện ĐH;
- Cơ quan THA huyện ĐH;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu: HS; VT-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Ghết